

Vấn đề ruộng đất trong cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam thời kỳ 1954 - 1975

Nguyễn Văn Nhật*

Tóm tắt: Từ trước tới nay, khi nói đến vấn đề ruộng đất trong cuộc đấu tranh giành độc lập và giải phóng dân tộc, chúng ta thường gắn mục tiêu - quyền lợi của vấn đề ruộng đất với vấn đề dân tộc, gắn “độc lập dân tộc” với “người cày có ruộng”. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ 1954 - 1975, diễn tiến của cách mạng cũng như vấn đề ruộng đất ở miền Nam không đơn thuần như ở miền Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Trong giai đoạn từ 1954 đến 1969, nông dân miền Nam đứng lên chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn vì hai mục tiêu độc lập dân tộc và ruộng đất. Từ sau năm 1970, khi ruộng đất đã cơ bản về tay nông dân do chính sách ruộng đất của chính quyền cách mạng và của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, thì mục tiêu đấu tranh vì ruộng đất không còn cấp thiết nữa. Song nông dân miền Nam vẫn một lòng theo cách mạng, hy sinh cả ruộng đất và thành quả từ ruộng đất của mình cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Từ khóa: Vấn đề ruộng đất; cách mạng dân tộc dân chủ; miền Nam Việt Nam; thời kỳ 1954 - 1975.

1. Mở đầu

Việt Nam là nước nông nghiệp, phần lớn dân số là nông dân và cư trú ở vùng nông thôn. Trong quá trình hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nông thôn luôn là địa bàn chiến lược, nông dân là lực lượng chủ lực quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi nông dân là động lực của cách mạng, là đồng minh tự nhiên và chiến lược của giai cấp công nhân.

Đáp ứng nguyện vọng chính đáng của người nông dân, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chú trọng đến vấn đề “độc lập dân tộc” và “người cày có ruộng”, nhờ đó, Đảng ta đã tập hợp được đông đảo tầng lớp nông dân đứng lên dưới ngọn cờ của Đảng giành độc

lập cho dân tộc (1930 - 1945) và hoàn thành sự nghiệp giải phóng đất nước (1945 - 1975), đem lại nền hòa bình, độc lập và thống nhất cho Tổ quốc.

Tuy nhiên, tùy theo từng giai đoạn cách mạng, mục tiêu dân tộc dân chủ được đề ra và thực hiện khác nhau. Trong thời kỳ 1939 - 1945, mục tiêu giải phóng dân tộc được đặt lên trên hết và thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã chứng minh điều đó.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, khẩu hiệu “độc lập dân tộc” và “người cày có ruộng” vẫn là xuyên suốt, song vào giai đoạn cuối, khi ruộng đất đã cơ bản về tay nông dân do chính sách ruộng đất của chính quyền cách mạng và

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0947 558 399. Email: nhatchat@yahoo.com

của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, thì mục tiêu đấu tranh vì ruộng đất không còn cấp thiết nữa. Lúc này, người nông dân miền Nam vẫn một lòng theo cách mạng, đóng góp cả ruộng đất và thành quả từ ruộng đất của mình cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Nhìn lại vấn đề này để thấy được ý thức dân tộc, ý thức độc lập và thống nhất của nông dân để phát huy vai trò của giai cấp này trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

2. Vấn đề “độc lập dân tộc” và “người cày có ruộng” thời kỳ 1930 - 1954

Đảng ta luôn coi giai cấp nông dân là động lực cách mạng, đồng minh tự nhiên, tin cậy của giai cấp công nhân và liên minh với giai cấp nông dân là vấn đề cốt tử của cách mạng Việt Nam. Nhận định về vai trò của giai cấp nông dân, Hồ Chí Minh đã viết: “Nền tảng của vấn đề dân tộc là vấn đề nông dân, vì nông dân là tối đa số trong dân tộc. Nền tảng của cách mạng dân chủ cũng là vấn đề nông dân, vì nông dân là lực lượng cách mạng đông nhất chống đế quốc, chống phong kiến” [3, t.14, tr.24].

Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc 1930 - 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định giải phóng dân tộc trước hết và căn bản phải là giải phóng nông dân. Nguyên vọng tha thiết của nông dân là độc lập dân tộc và người cày có ruộng, là được giải thoát khỏi cả hai ách áp bức của đế quốc và phong kiến. Giải phóng nông dân khỏi ách địa chủ phong kiến, đem lại ruộng đất cho nông dân là nội dung cơ bản của cách mạng dân chủ, đồng thời cũng là xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc, bởi vì vấn đề dân tộc thuộc địa thực chất là vấn đề nông dân.

Trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên*, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản là: chống đế quốc, chống phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng: “Có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa” [3, t.2, tr.94].

Thực hiện chủ trương đó, trong suốt 15 năm lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành độc lập, Đảng Cộng sản luôn thực hiện chính sách liên minh với giai cấp nông dân, kết hợp mục tiêu độc lập dân tộc với mục tiêu ruộng đất cho nông dân; và giai cấp nông dân đã cùng với giai cấp công nhân trở thành động lực chính của cách mạng, cùng với cả dân tộc đánh đổ giai cấp phong kiến, đánh đuổi đế quốc Pháp, Nhật giành độc lập cho đất nước. Từ cao trào cách mạng 1930 - 1931, khối liên minh công - nông đã được xây dựng trên thực tế, và đến cao trào kháng Nhật, cứu nước 1939 - 1945, khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công - nông đã được hình thành và thực hiện thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám lịch sử, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cũng như trong toàn bộ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta, quân đội cách mạng, một lực lượng quan trọng, thực chất là quân đội công nông mà phần lớn là những người nông dân khoác áo lính, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, chiến đấu cho nền độc lập của dân tộc và dân chủ.

Nhận thức được vai trò to lớn của nông dân trong cuộc chiến tranh cách mạng

chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng ta đã từng bước đem lại ruộng đất cho nông dân, hạn chế dần sự bóc lột của giai cấp địa chủ.

Ngay từ tháng 11 năm 1945, khi nước ta vừa giành được độc lập, Bộ Nội vụ Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra Thông tri giảm tô 25% so với mức địa tô trước Cách mạng tháng Tám. Tháng 1 năm 1948, để hỗ trợ cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp, Nhà nước quyết định tịch thu ruộng đất và tài sản của Việt gian (có tuyên bố trước toà án) tạm giao cho nông dân. Tiếp đó, ngày 16 tháng 7 năm 1949, Chính phủ lại ban hành Sắc lệnh giảm tô thay cho Thông tri giảm tô năm 1945, đồng thời ban hành Sắc lệnh tạm cấp ruộng đất của Việt gian phản quốc cho dân cày nghèo. Tháng 5 năm 1950, Chính phủ ban hành tiếp Sắc lệnh về thể lệ lĩnh canh và Sắc lệnh về giám tức cũng như Sắc lệnh về việc sử dụng ruộng đất bỏ hoang. Tính đến cuối năm 1951, chính quyền nhân dân đã tạm cấp được 253.863 héc ta ruộng đất tịch thu được của thực dân Pháp và Việt gian cho gần 50 vạn nông dân [5, tr.76].

Từ năm 1953, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta bước sang một giai đoạn mới. Tháng 3 năm 1953, Hội nghị liên tịch giữa Ban Thường vụ Quốc hội và Ủy ban Liên - Việt toàn quốc đã nhất trí thông qua Nghị quyết về công tác phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất trong kháng chiến.

Ngày 12 tháng 4 năm 1953, Chính phủ ban hành ba sắc lệnh về chính sách ruộng đất, trừng trị những địa chủ không tuân theo pháp luật ở những nơi phát động quần chúng và thành lập Toà án nhân dân đặc biệt. Tháng 11 năm 1953, Hội nghị Trung ương lần thứ năm và Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất (khoá II) đã thảo luận và thông qua

Cương lĩnh ruộng đất chính thức của Đảng và quyết định tiến hành *phát động quần chúng nông dân thực hiện cải cách ruộng đất* trong năm 1954 với nội dung là “Dựa hẳn vào bản cổ nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông, tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến” [3, t.14, tr.502]. Hội nghị cũng đề ra ba biện pháp tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất nhằm xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”. Ngày 26 tháng 11 năm 1953, Hội nghị lần thứ năm mở rộng của Ủy ban Liên - Việt toàn quốc tán thành bản *Cương lĩnh ruộng đất* của Đảng và nhất trí đề nghị Quốc hội và Chính phủ thông qua cương lĩnh đó.

Ngày 1 tháng 12 năm 1953, kỳ họp thứ ba Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa nhất trí tán thành chủ trương cải cách ruộng đất và thông qua luật cải cách ruộng đất, và tới ngày 19 tháng 12 năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh ban hành Luật Cải cách ruộng đất. Trong Luật nêu rõ: “Xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của đế quốc ở Việt Nam, xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng” [3, t.14, tr.499].

Như vậy, bắt đầu từ tháng 4 năm 1953, Nhà nước đã tiến hành đợt 1 phát động quần chúng giảm tô có tính chất thí điểm ở 25 xã thuộc Thái Nguyên, Phú Thọ, Thanh Hóa. Tháng 8 năm 1953, đợt 2 phát động quần chúng giảm tô được tiến hành ở 162 xã và đợt 3 từ tháng 12 năm 1953. Phát động quần chúng giảm tô là bước đầu chuẩn bị điều kiện cho việc tiến hành cải cách ruộng đất, đưa ruộng đất về tay nông

dân. Đến tháng 12 năm 1953, cùng với việc thực hiện đợt 3 phát động quần chúng giảm tô, Nhà nước đã tiến hành thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên từ ngày 25 tháng 12 năm 1953 đến ngày 30 tháng 3 năm 1954, và tiếp đó đợt 1 cải cách ruộng đất được tiến hành sâu rộng trên các xã của một số tỉnh miền Bắc từ tháng 4 năm 1954.

Chính sách cải cách ruộng đất cùng với đường lối kháng chiến, kiến quốc của Đảng đã cho phép huy động đến mức cao nhất sức người, sức của của nhân dân cho tiền tuyến, sử dụng sức mạnh tổng hợp của cả nước vào chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử. 261.500 dân công với trên 18 triệu ngày công, 25.056 tấn gạo, 907 tấn thịt, 917 tấn lương thực khác, 20.991 xe đạp thồ, 11.800 thuyền mảng và 500 ngựa thồ đã được huy động phục vụ chiến trường [4, tr.554]. Sức mạnh tinh thần và vật chất, sự chi viện không điều kiện của nhân dân, nhất là của giai cấp công - nông là một trong những yếu tố quyết định thắng lợi. Đó là kết quả của chính sách phát động quần chúng thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất. Nhận rõ mối quan hệ khăng khít giữa nhiệm vụ và quyền lợi của dân tộc, nhân dân ta, trước hết là nông dân, đã không tiếc sức mình đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến thắng lợi. Có thể khẳng định rằng, không có sự đóng góp sức người, sức của to lớn của nhân dân, mà chủ yếu là nông dân, không thể có chiến thắng Điện Biên Phủ.

Nhận định về vai trò nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã nói: “Gần 90 phần trăm đồng bào là nông dân. Trong hàng ngũ Vệ quốc quân, bộ đội địa phương và dân quân du kích ta trên 90 phần trăm là nông dân. Đóng thuế, đi dân công phần lớn cũng là nông

dân. Đồng bào nông dân đóng góp nhiều nhất cho kháng chiến, hy sinh nhiều nhất cho Tổ quốc” [9, tr.237].

3. Vấn đề ruộng đất và cách mạng dân tộc dân chủ thời kỳ 1954 - 1965

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và việc ký kết Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự nhằm ngăn chặn các phong trào giải phóng dân tộc tại Đông Nam Á, đế quốc Mỹ đã vi phạm Hiệp nghị Giơnevơ, từng bước can thiệp và xâm lược miền Nam.

Nhận rõ vai trò quan trọng của vấn đề ruộng đất và nông dân, trong suốt 20 năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn luôn coi “cải cách điền địa” và “bình định nông thôn” là “quốc sách”, là yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại của cuộc chiến. Nông dân - nông thôn đã trở thành đối tượng, địa bàn giành giật quyết liệt giữa ta và địch trong suốt cuộc chiến tranh lâu dài và khốc liệt này.

Ngay sau khi được Mỹ đưa về nắm quyền ở miền Nam Việt Nam, cùng với việc thực hiện chính sách “tổ cộng”, “diệt cộng”, Ngô Đình Diệm đã thực hiện cuộc “cải cách điền địa” mà mục tiêu chính là phục hồi giai cấp địa chủ, chỗ dựa cơ bản của chính quyền này. Chính sách cải cách điền địa của chính quyền Ngô Đình Diệm là một bộ phận trong cuộc phản công toàn diện của Mỹ và chính quyền Sài Gòn vào phong trào cách mạng ở nông thôn miền Nam, nhằm xoá bỏ thành quả ruộng đất mà chính quyền cách mạng đã đem lại cho nông dân. Với việc thực hiện chính sách “cải cách điền địa”, chính quyền Ngô Đình

Diệm đã cướp từ 80 - 90% ruộng đất mà chính quyền cách mạng đã giao cho nông dân miền Nam. Trong “Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam”, Mỹ cũng phải thừa nhận rằng: “Chương trình cải cách điền địa của Diệm đã không phân chia lại ruộng đất cho người nghèo mà rút cục chỉ lấy những thứ mà Việt Minh đã chia cho họ rồi trả về cho địa chủ. Năm 1960, 75% đất đai vẫn nằm trong tay 15% dân số”.

Chính sách về ruộng đất và tiếp đó cuộc phản công của Mỹ - Diệm vào nông thôn, nông dân miền Nam bằng các “quốc sách” dinh điền, khu trù mật, ấp chiến lược... càng làm cho vấn đề dân chủ, vấn đề ruộng đất đối với nông dân trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

Trước tình hình đó, Đảng ta đã nhận thức được rằng không giải quyết vấn đề dân chủ, vấn đề ruộng đất cho nông dân, thì không hiệu triệu được nông dân ủng hộ cách mạng, không thực hiện được chính sách liên minh công nông, khó tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Ngay từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ XV (1959) đã xác định: “Nông dân vẫn là quân chủ lực cách mạng, luôn tin theo Đảng” và đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là: “Giải phóng miền Nam thoát khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam” [3, t.20, tr.81]. Tư tưởng chỉ đạo trên đã trở thành nghị quyết của Đảng và được chính thức tuyên bố tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III tháng 9 năm 1960.

Quán triệt tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III, ngay sau khi ra đời, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tuyên bố trong Chương trình 10 điểm của mình là: “Thực hiện giảm tô, tiến tới giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, làm cho người cày có ruộng” [7, tr.49].

Tháng 10 năm 1961, để chỉ đạo các địa phương chấp hành đúng đắn chính sách ruộng đất của Đảng và chương trình hành động của Mặt trận, Hội nghị lần thứ I Trung ương Cục miền Nam đã ra nghị quyết thực hiện các vấn đề ruộng đất. Những nội dung và nhiệm vụ thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất lần lượt được bổ sung từ Hội nghị lần thứ II đến lần thứ V.

Về việc giảm tô, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ nhất (1961) quy định: “Cần mô phỏng theo mức giảm tô cao nhất ở vùng căn cứ du kích hồi cuối thời kỳ kháng chiến chống Pháp mà lãnh đạo nông dân đấu tranh thực hiện”.

Đến Hội nghị Trung ương Cục lần thứ IV (tháng 3 - 1966), việc giảm tô được quy định cụ thể hơn: “Ruộng đất phát canh thu tô của địa chủ, phú nông, đều thực hiện giảm tô đúng mức quy định. Tô suất tối đa không quá 15 phần trăm”.

Về vấn đề ruộng đất, các Hội nghị Trung ương Cục miền Nam đã đề ra những nội dung, hình thức và biện pháp cụ thể đối với từng loại ruộng.

Đối với ruộng đất địa chủ, Hội nghị Trung ương Cục tháng 10 - 1961 nêu rõ: “Ruộng đất của thực dân và địa chủ Việt Nam đã cấp cho nông dân hồi kháng chiến chống Pháp, nay kiên quyết đòi lại, khôi phục quyền sở hữu của nông dân trên số ruộng đất đó, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ gian ác hiện hành bị nhân dân lên án để

chia cho nông dân, có để lại một phần cho vợ con chúng”.

Đối với ruộng đất vắng chủ, tạm giao cho nông dân cày cấy và hưởng hoa lợi. Hội nghị Trung ương Cục lần thứ IV (1966) giải thích rõ thêm: “Ruộng đất của địa chủ vắng mặt đều giao cho nông dân quản lý và sản xuất. Sau này khi cách mạng thành công, sẽ căn cứ vào thái độ chính trị cụ thể của từng người mà đối xử”.

Đối với ruộng đất công, phải “đấu tranh giành lại công điền, chia công điền cho nông dân, ưu tiên cho nông dân không ruộng và thiếu ruộng”.

Đối với các đồn điền trồng cây công nghiệp, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ IV (1966) nêu rõ: “Giải quyết theo nguyên tắc chung là đảm bảo đời sống của công nhân lao động, tiếp tục chấn bồi cây công nghiệp đã trồng, khuyến khích chủ đồn điền tiếp tục kinh doanh và quản lý” [8, tr.72 - 80].

Thực hiện chính sách ruộng đất trên, tại các vùng giải phóng, đi đôi với việc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, Đảng đã thực hiện khẩu hiệu “giải phóng đến đâu, chia ruộng đến đó”. Tính đến cuối 1965, chính quyền cách mạng đã chia 10 vạn héc ta (tức 70% diện tích canh tác) cho nông dân không có ruộng. Tính trung bình ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, nông dân đã làm chủ được từ 60 - 70% ruộng đất.

Những thành quả trên có ý nghĩa rất to lớn. Song vấn đề dân chủ ở miền Nam dưới chế độ thực dân mới của Mỹ không phải chỉ là vấn đề ruộng đất. Nông dân miền Nam không chỉ bị Mỹ và chính quyền Sài Gòn cướp mất ruộng đất mà tính mạng, tài sản của họ hàng ngày bị đe dọa. Chính vì vậy, khẩu hiệu dân chủ ngoài việc giành quyền

sở hữu ruộng đất còn bao hàm nội dung đòi cải thiện dân sinh, đòi thi hành chính sách kinh tế độc lập, tự chủ.

Trong khi đó, đi đôi với việc thi hành cái gọi là “cải cách điền địa” mà thực chất là sự cướp đoạt hợp pháp ruộng đất của nông dân, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn thi hành một loạt chính sách phản động như “tố cộng”, “diệt cộng”, thành lập các “khu trừ mật”, “ấp chiến lược”, “ấp dân sinh”, “khu sinh điền”, vi phạm nghiêm trọng quyền tự do cư trú, làm mất ổn định đời sống và sản xuất của nông dân. Do đó, đấu tranh phá “ấp chiến lược”, “khu dinh điền”, “khu trừ mật” không chỉ là mục tiêu của vấn đề dân tộc mà còn là mục tiêu của vấn đề dân chủ.

Khẩu hiệu “độc lập dân tộc, người cày có ruộng” và “phá ấp chiến lược, trở về làng cũ” mà Đảng và Chính quyền cách mạng đề ra không chỉ đáp ứng nguyện vọng giải phóng dân tộc mà còn phù hợp với yêu cầu dân sinh, dân chủ của nông dân miền Nam. Hai mục tiêu này gắn bó chặt chẽ với nhau và đã hiệu triệu nông dân miền Nam đứng lên tranh đấu vì quyền lợi của dân tộc và giai cấp.

Nhân dân miền Nam đã vùng dậy làm nên phong trào Đồng khởi cuối 1959 đầu 1960. Đồng khởi thực chất là “Phong trào khởi nghĩa của quần chúng nông dân, một cuộc khởi nghĩa từng phần, phát triển từng bước ở nông thôn nhằm giành lấy chính quyền cơ sở và một lần nữa giành lại quyền lợi ruộng đất về tay mình” [6]. Tính đến cuối năm 1960, gần 800 xã trong tổng số 1.296 xã, 3.200 thôn trong tổng số 5.721 thôn toàn Nam Bộ đã giành được quyền làm chủ ở những mức độ khác nhau, trong đó hơn 100 xã hoàn toàn được giải phóng.

Sau phong trào Đồng khởi 1960, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam bước sang giai đoạn mới, giai đoạn đấu tranh chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ mà mục tiêu chính của chiến lược chiến tranh này là “bình định nông thôn” và “tìm diệt” lực lượng cách mạng. Nhờ giải quyết tốt chính sách ruộng đất, thực hiện quyền dân chủ cho nông dân, chính quyền cách mạng đã huy động được đông đảo nông dân tham gia vào các cuộc đấu tranh phá ấp chiến lược, xây dựng lực lượng vũ trang, tấn công tiêu diệt địch.

Về “ấp chiến lược”, “xương sống của cuộc chiến tranh đặc biệt”, lúc đầu đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn dự định dồn nông dân miền Nam vào 17.000 ấp; song trước sự đấu tranh quyết liệt của nông dân có lực lượng vũ trang hỗ trợ, Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải ba lần rút bớt số lượng, kéo dài thời gian thực hiện, và cuối cùng hệ thống “ấp chiến lược” đã bị phá sản cùng với sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm, sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Về mục tiêu “tìm diệt” lực lượng vũ trang cách mạng, đến năm 1965, lực lượng vũ trang không những không bị tiêu diệt mà còn ngày càng phát triển mạnh mẽ với sự tham gia đông đảo của nông dân. Sự ra đời của “Lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam” với đầy đủ 3 thứ quân từ dân quân du kích, bộ đội địa phương đến bộ đội chủ lực, cùng với những chiến thắng vang dội từ trận Ấp Bắc, Bình Giã đến Đồng Xoài, Bàu Bàng, Ba Gia... đã làm cho quân đội chính quyền Sài Gòn không thể đỡ được các cuộc tấn công liên tiếp của lực lượng vũ trang và nhân dân ta ở miền Nam và cuối cùng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ đã bị phá sản hoàn toàn.

Nhờ giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc, dân chủ gắn mục tiêu đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn và giành quyền làm chủ ruộng đất, xã ấp, Đảng huy động được hàng triệu nông dân vùng lên khởi nghĩa từng phần, phá bỏ từng mảng hệ thống cai trị của địch ở cơ sở, làm phá sản kế hoạch “ấp chiến lược”, cùng lực lượng vũ trang cách mạng và các tầng lớp nhân dân khác đánh bại cuộc “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Dư luận phương Tây cũng phải thừa nhận rằng: “Việt Cộng đã thắng lợi vì họ đã mang lại cho nông dân những cái mà nông dân muốn, nhất là ruộng đất (...) Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã có chương trình rõ ràng để giải quyết vấn đề ruộng đất ở miền Nam, đã và đang thực hiện chương trình đó bằng cách đem lại hàng triệu héc ta ruộng đất cho nông dân ở các vùng giải phóng” [1].

4. Vấn đề ruộng đất và cách mạng dân tộc dân chủ thời kỳ 1965 - 1975

Năm 1965, trước sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ càng thấy rõ tầm quan trọng của vấn đề ruộng đất đối với nông dân miền Nam. Sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm với chính sách “cải cách điền địa”, sự tan rã của hệ thống ấp chiến lược - xương sống của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đã buộc đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn xem xét lại chính sách đối với nông dân, với hy vọng lôi kéo họ về phía chúng, tách họ ra khỏi lực lượng cách mạng.

Cùng với việc ồ ạt đưa quân Mỹ vào tham chiến, gây ra cuộc “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đế quốc Mỹ đặt lên hàng đầu nhiệm vụ “bình định” nông thôn, thực hiện cải cách điền địa, cải cách nông thôn

nhằm “thu phục trái tim và khối óc của nông dân”.

Rút kinh nghiệm thất bại từ chương trình “cải cách điền địa” của Ngô Đình Diệm, lần này đế quốc Mỹ tỏ ra thận trọng hơn trong việc tiến hành cải cách đối với nông thôn. Mỹ huy động một lực lượng lớn chuyên gia, bỏ ra nhiều tiền của để điều tra, khảo sát, nghiên cứu nhằm tìm ra một chính sách và biện pháp hợp lý trong vấn đề ruộng đất và nông dân.

Hầu hết các công trình khảo sát, nghiên cứu đều phê phán gay gắt chương trình “cải cách điền địa” của Ngô Đình Diệm, coi đó là một thất bại. Cả Mỹ và chính quyền Sài Gòn đều xác định rõ: “Trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam, cải cách điền địa là một biện pháp kinh tế nhằm thực hiện một mục tiêu chính trị. Cải cách điền địa đóng góp vào chiến thắng bằng cách làm cho nông dân bỏ thái độ thờ ơ, thụ động và giúp đỡ trực tiếp Việt Cộng hiện nay và quay ra hậu thuẫn cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa... nhằm làm chuyển biến cục diện chiến tranh” [10].

Trên cơ sở kết quả của các công trình nghiên cứu cùng với sự viện trợ của Mỹ, ngày 26 tháng 3 năm 1970, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã ban hành Luật Người cày có ruộng. Đây là một bộ luật quan trọng và cốt lõi nhất trong các chính sách của Mỹ và chính quyền Sài Gòn nhằm giành nông dân về phía chúng.

Luật gồm 6 chương, 22 điều, với những nội dung cơ bản là: hạ thấp suất lưu trí để lại cho địa chủ từ 100 héc ta (theo Dự số 57 của *Luật Cải cách điền địa* của Ngô Đình Diệm) xuống còn 15 héc ta ở Nam Bộ và 5 héc ta ở Trung Bộ; cấp không ruộng đất cho nông dân; xoá bỏ chế độ tá canh.

Về nội dung, Luật Người cày có ruộng trước hết nhằm xoá bỏ giai cấp địa chủ và chế độ tá canh, tạo điều kiện chuyển địa chủ sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Đối với nông dân, Luật Người cày có ruộng khác với chương trình “Cải cách điền địa” trước đây của Ngô Đình Diệm. Nếu trước đây, Ngô Đình Diệm bắt nông dân phải phải ký khế ước lĩnh canh với địa chủ và mua ruộng đất của địa chủ bị truất hữu, thì nay Nguyễn Văn Thiệu đem ruộng truất hữu của địa chủ cấp không cho mỗi gia đình nông dân tối đa là 3 héc ta ở Nam Bộ và 1 héc ta ở Trung Bộ. Theo Niên giám thống kê Việt Nam cộng hòa, kể từ ngày tuyên bố chương trình “Người cày có ruộng” cho đến năm 1973, số diện tích mà chính quyền Nguyễn Văn Thiệu cấp phát cho nông dân là 1.142.658 héc ta [2, tr.105].

Như vậy, so với “cải cách điền địa” của Ngô Đình Diệm, luật “Người cày có ruộng” của Nguyễn Văn Thiệu rõ ràng có một bước tiến đáng kể. Trước hết, luật này xoá bỏ chế độ tá canh, xoá bỏ quan hệ sản xuất phong kiến đã lỗi thời. Sau nữa, việc cấp bằng “chứng khoán” đã khẳng định quyền sở hữu ruộng đất của nông dân về mặt pháp lý. Điểm mấu chốt nữa là Luật Người cày có ruộng của Nguyễn Văn Thiệu đã tạo ra ở nông thôn miền Nam tầng lớp tiểu nông với quy mô canh tác hợp lý, lấy đơn vị sản xuất cơ sở là nông trại gia đình để kinh doanh sản xuất hàng hoá.

Từ những mục đích như trên, Luật Người cày có ruộng còn thể hiện ý đồ thâm độc và nham hiểm của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, chúng tính toán rằng bằng việc xoá bỏ chế độ tá canh, “hữu sản hóa nông dân”, có thể làm cho nông dân thừa nhận rằng chính quyền Sài Gòn là người đem lại

quyền lợi ruộng đất cho họ, từ đó xoá bỏ được ảnh hưởng của cách mạng, lôi kéo nông dân về phía chúng.

Cùng với việc ban hành Luật Người cày có ruộng, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn thực hiện chính sách “hiện đại hóa nông thôn”, “Canh tân hóa nông nghiệp”, mở đường cho chủ nghĩa tư bản xâm nhập mạnh vào nông thôn, nông nghiệp miền Nam.

Chính sách ruộng đất - nông dân - nông nghiệp mà Mỹ và chính quyền Sài Gòn thực hiện đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn, bộ mặt nền kinh tế nông nghiệp miền Nam.

Thứ nhất, các chính sách trên đã đẩy nhanh quá trình trung nông hóa gắn liền với quá trình xoá bỏ giai cấp địa chủ và chế độ tá điền. *Sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ và phương thức bóc lột địa tô phong kiến đã bị xoá bỏ về cơ bản, đại bộ phận ruộng đất canh tác đã thuộc về tay nông dân lao động, mặc dù mức độ chiếm hữu giữa các giai tầng, giữa các vùng có khác nhau.* Tầng lớp trung nông thực sự trở thành nhân vật trung tâm, đóng vai trò quyết định trong sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, cùng với Luật Người cày có ruộng, chính sách “hiện đại hóa nông thôn”, “canh tân hóa nông nghiệp” đã đẩy nhanh nền kinh tế nông nghiệp miền Nam sang nền kinh tế sản xuất hàng hoá. Và thực tế trong những năm đầu của thập kỷ 1970, nền kinh tế nông nghiệp miền Nam có bước phát triển, năng suất và sản lượng lúa được nâng cao, đời sống nông dân được cải thiện.

Tuy vậy, chính sách ruộng đất của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã gây xáo trộn lớn trong đời sống kinh tế - xã hội nông thôn ở miền Nam. Để thi hành Luật Người cày có ruộng, bên cạnh việc truất hữu ruộng

đất của địa chủ, chính quyền Sài Gòn bắt nông dân kê khai ruộng đất họ đang canh tác, mà thực chất ở nhiều nơi, ruộng đất này đã được Chính quyền cách mạng chia cấp cho nông dân từ trước. Như vậy, ruộng đất mà chính quyền Sài Gòn cấp không cho nông dân theo Luật Người cày có ruộng có nơi là đất vốn của địa chủ, có nơi là đất mà Chính quyền cách mạng đã chia cho nông dân từ trước. Điều này đã gây ra sự xáo trộn về ruộng đất, gây phản ứng trong một bộ phận nông dân. Không những thế, vì quyền lợi giai cấp, ý đồ chính trị và cũng trên góc độ sản xuất hàng hoá, ở nhiều nơi, nông dân nghèo vẫn không được chính quyền Sài Gòn chia ruộng, trong khi đó gia đình binh sĩ, công chức được ưu tiên cấp đất cùng với các tá điền hiện canh.

Nếu như trong giai đoạn 1954 - 1965, nông dân miền Nam đứng lên chống chế độ Ngô Đình Diệm, chống chính sách “tổ cộng”, “diệt cộng” hà khắc và chống lại chính sách “cải cách điền địa”, giành quyền lợi ruộng đất, thì từ năm 1970, với thành quả ruộng đất mà Chính quyền cách mạng đem lại cộng với việc thực hiện Luật Người cày có ruộng của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, đại bộ phận nông dân đã trở thành tiểu chủ (trừ những người không có khả năng sản xuất, chuyên đi làm thuê), mục tiêu ruộng đất không còn là vấn đề bức xúc như trước đây nữa.

Tuy vậy, còn có những cách nhìn nhận khác nhau về vị trí của vấn đề ruộng đất trong cuộc đấu tranh cách mạng của nông dân miền Nam.

Chính sách “cải cách điền địa” của chính quyền Ngô Đình Diệm là sự cưỡng đoạt ruộng đất của nông dân mà chính quyền cách mạng đã chia cho họ trong suốt quá trình của cuộc kháng chiến chống Pháp

và thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” 1959 - 1960. Cải cách điền địa của chính quyền Ngô Đình Diệm đã phục hồi chế độ tá canh với sự tập trung ruộng đất vào tay giai cấp địa chủ. Trong quá trình đấu tranh, tính đến cuối 1965, vùng giải phóng được mở rộng và nông dân miền Nam đã giành lại được 10 vạn héc ta (tức 70% diện tích canh tác) qua việc chia phát của chính quyền cách mạng.

Để giành lại quyền kiểm soát nông thôn, nông dân, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã ban hành “Luật Người cày có ruộng”, và thực tế luật này đã hữu sản hóa gần như toàn bộ tá điền trực canh, biến họ thành tiểu chủ và dần trở thành tầng lớp trung nông - tầng lớp đông đảo nhất và chiếm vai trò quan trọng nhất trong việc phát triển nông nghiệp, nông thôn miền Nam.

“Luật Người cày có ruộng” của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu cùng với kết quả của chính sách ruộng đất của chính quyền cách mạng đã đem lại ruộng đất cho nông dân và đến năm 1973, cơ bản những nông dân trực canh đều có ruộng để sản xuất.

Tuy nhiên, không phải toàn bộ nông dân miền Nam đến thời điểm này đều có đất canh tác. Khác với nông dân miền Bắc, nông dân miền Nam không phải ai cũng muốn tự canh tác. Ở miền Nam có thể chia nông dân làm hai loại: nông dân trực canh và nông dân làm thuê. Trong nền kinh tế sản xuất hàng hóa vốn đã được phôi thai từ thời Pháp thuộc và phát triển mạnh thời kỳ Mỹ chiếm đóng, việc tự sản xuất để tồn tại không phải là đơn giản. Không những vậy, với đặc trưng của người Nam Bộ qua quá trình di cư và khai phá đồng bằng sông Cửu Long rộng lớn, không ít nông dân có tư

tưởng thích làm thuê hơn làm chủ. Do vậy khi được chia cấp đất, họ đã bán đất và chọn phương thức làm thuê để sống.

Nhìn chung, đến năm 1973, ở nông thôn miền Nam vấn đề ruộng đất và mục tiêu “người cày có ruộng” không còn đặt ra cấp thiết. Nhiệm vụ của nông dân nói riêng, nhân dân miền Nam nói chung tập trung vào mục tiêu chống Mỹ, chống chế độ Sài Gòn, giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước.

Nội dung đấu tranh của nông dân miền Nam lúc này là gắn cuộc đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn với cuộc đấu tranh phá áp chiến lược, chống địch cướp đất để phân chia lại hoặc chống địch cướp đất, dồn làng làm sân bay, kho tàng, trại lính, khu gia binh..., giữ thôn ấp, bảo vệ cuộc sống thường ngày của mình. Riêng vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong 6 tháng đầu năm 1970 đã có hơn 5 triệu lượt người nổi dậy phá 1.971 ấp chiến lược và khu dồn dân, trở về làng cũ. Từ năm 1971 đến năm 1975, phong trào chống bình định, phá ấp chiến lược càng diễn ra quyết liệt hơn làm cho kế hoạch bình định nông thôn của chính quyền Sài Gòn lâm vào bế tắc.

Không những vậy, ruộng đất trong tay người nông dân đã biến thành vũ khí chống Mỹ và chế độ Sài Gòn. Rất nhiều xã, ấp đã trở thành căn cứ kháng chiến, nhiều gia đình trở thành cơ sở cách mạng, nơi giao tiếp, che giấu bộ đội, nơi cất giấu vũ khí, lương thực... Không ít khu vườn, ngôi nhà mà dưới đó là những địa đạo, hầm bí mật, nơi tập kết của quân giải phóng, cán bộ và du kích.

Trong 20 năm kháng chiến chống Mỹ, ngoài sự viện trợ từ miền Bắc, hậu phương tại chỗ đã cung cấp một phần quan trọng lương thực, thuốc men cho cán bộ và bộ đội. Đó chính là sự đóng góp của người nông dân bằng sản phẩm họ làm ra trên mảnh đất được chính quyền cách mạng chia cấp và một phần do chính quyền Sài Gòn đem lại. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc. Một đất nước mà 90% dân số là nông dân, cũng có nghĩa là một quân đội mà đa số là nông dân mặc áo lính đã ra chiến trường không chỉ vì mảnh đất cày, mà linh thiêng hơn là bảo vệ mảnh đất mà họ sinh ra, lớn lên khỏi tay kẻ xâm lược ngoại bang. Họ sẵn sàng đổ máu để giành lấy mảnh đất từ tay địa chủ, đế quốc, sẵn sàng biến đất đai ruộng vườn thành nơi nuôi dưỡng bộ đội, trở thành hậu phương, chỗ dựa vững chắc cho chi viện cho tiền tuyến.

5. Kết luận

Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nội dung của liên minh công - nông được thể hiện với khẩu hiệu “độc lập dân tộc và người cày có ruộng”; trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đây, nội dung đó là đưa nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp, biến nông dân thành những người làm chủ tập thể về ruộng đất và tư liệu sản xuất. Hiện nay, nông dân trở thành những người được quyền sử dụng ruộng đất lâu dài tùy theo khả năng lao động và sự đóng góp của họ.

Thực hiện đường lối đại đoàn kết dân tộc mà nòng cốt là liên minh công - nông - trí thức, Đảng và Nhà nước Việt Nam đang

từng bước đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, trong đó có vấn đề ruộng đất nhằm phát huy sự sáng tạo cũng như đóng góp của giai cấp nông dân vào công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Báo Anh *Diễn đàn*, số ra ngày 6-3-1964.
- [2] Bộ Kinh tế, Việt Nam cộng hòa, *Niên giám thống kê năm 1973*.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.2, t.14, t.20, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4] Tổng cục Hậu cần (1979), *Công tác hậu cần chiến dịch Điện Biên Phủ*, Hà Nội.
- [5] Viện Sử học (2005), *60 năm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Một số thành tựu chủ yếu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Võ Nguyên Giáp (1965), “Nhận rõ đặc điểm về địch, về ta, về tình hình quốc tế trong cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam”, Tạp chí *Tuyên huấn*, số 9.
- [7] Hà Minh Hồng, Trần Nam Tiến (2010), *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960 - 1977)*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- [8] Lâm Quang Huyền (2007), *Vấn đề ruộng đất ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] *Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp* (1988), t.1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [10] Stanford Research Institute (1968), *Land Reform in Vietnam*. Working paper IV. Menlo park. California, SRI.